

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công:		
1.1. Tổ chức mặt bằng công trường bao gồm yêu cầu các nội dung sau: (a) Mặt bằng bố trí công trường, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu; (b) Bố trí rào chắn, biển báo công trường thi công; (c) Giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công. (d) Tổ chức bảo vệ, an toàn giao thông trong quá trình thi công.	- Có giải pháp kỹ thuật (bao gồm: thuyết minh và bản vẽ tổ chức mặt bằng thi công) theo yêu cầu, hợp lý và khả thi với vị trí địa lý, địa hình của công trình, khả thi việc kết nối công trường và giao thông khu vực thể hiện bằng sơ họa mặt bằng.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đầy đủ yêu cầu nêu trên.	Không đạt
1.2. Biện pháp thi công tổng thể cho các công tác chính: - Biện pháp thi công tháo dỡ, phá dỡ, vận chuyển đi đổ. - Thi công xây, trát, lát nền. - Thi công trần thạch cao. - Thi công bả, sơn nước. - Thi công lắp đặt màn hình led. - Thi công, lắp đặt cửa đi các loại. - Thi công lắp đặt hệ thống điện, điều hòa không khí. - Thi công lắp đặt hệ thống nước. - Thi công tháo dỡ, lắp đặt thang tải thực phẩm.	- Có đề xuất Biện pháp thi công chi tiết đầy đủ bám sát thực tế, phù hợp thiết kế, yêu cầu kỹ thuật và hiện trạng công trình đang hoạt động có không gian chật hẹp và giao thông hạn chế. - Có đầy đủ bản vẽ mô tả biện pháp kỹ thuật thi công hợp lý, phù hợp với biện pháp thi công, tiến độ thi công, hiện trạng công trình xây dựng, phù hợp với thiết kế. - Ghi chú: Biện pháp thi công các công tác xây dựng của nhà thầu chỉ được xem xét khi nhà thầu trình bày đầy đủ trình tự từ các công việc từ đầu vào đến quá trình thi công và cuối cùng là kiểm tra, nghiệm thu. Trường hợp nhà thầu sao chép bản vẽ thiết kế mà không phải là bản vẽ thể hiện biện pháp thi công của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là không nắm được yêu cầu E-HSMT và bản vẽ đó sẽ không được xem xét. Ngoài ra, nhà thầu đính kèm hình ảnh mô tả nhưng không phù hợp với gói thầu sẽ không được xem xét, đánh giá.	Đạt
	Không đề xuất hoặc đề xuất không phù hợp với gói thầu.	Không đạt
1.3. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ.	Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ theo yêu cầu và hợp lý	Đạt

	Không có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ hoặc có nhưng không hợp lý.	Không đạt
1.4. Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo duy trì hoạt động làm việc của đơn vị	Có biện pháp tổ chức thi công hợp lý phù hợp với điều kiện thi công, không làm ảnh hưởng đến các hoạt động thường xuyên liên tục của Chủ đầu tư.	Đạt
	Không đề xuất hoặc đề xuất không phù hợp với gói thầu.	Không đạt
1.5. Biện pháp tổ chức trong quá trình thi công không gây ảnh hưởng đến hệ thống cấp nguồn, cấp quang, đường ống, cấp thoát nước ...	- Nhà thầu phải có thuyết minh biện pháp tổ chức trong quá trình thi công không gây ảnh hưởng đến hệ thống cấp nguồn, cấp quang, đường ống, cấp thoát nước ... - Nhà thầu phải có cam kết nếu xảy ra các trường hợp hư hại nêu trên thì Nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm khắc phục, sửa chữa và chi phí khắc phục, sửa chữa do Nhà thầu chi trả.	Đạt
	Không đáp ứng các yêu cầu nêu trên.	Không đạt
2. Biện pháp đảm bảo chất lượng		
2.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng của vật liệu – thiết bị để phục vụ công tác thi công, bao gồm các nội dung sau: a. Bảng kê nêu rõ và đầy đủ các vật tư - thiết bị chính sử dụng cho gói thầu (bao gồm: tên vật tư, nhãn hiệu, nhà cung cấp và nhà sản xuất, xuất xứ) phù hợp yêu cầu thiết kế và yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật tại chương V của E-HSMT và tài liệu đính kèm E-HSMT. b. Giải pháp xử lý vật tư, vật liệu và thiết bị phát hiện không phù hợp với yêu cầu của gói thầu;	Có nêu đầy đủ và hợp lý, khả thi và phù hợp với biện pháp thi công.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt
2.2 Biện pháp đảm bảo chất lượng và tính hợp lệ của thiết bị	Nhà thầu có văn bản cam kết của nhà thầu được người đại diện pháp luật của Nhà thầu hoặc người đại diện liên danh hoặc người đại diện theo ủy quyền ký (Trường hợp người đại diện theo ủy quyền ký phải đính kèm văn bản ủy quyền), bao gồm đầy đủ các nội dung sau: - Cam kết tất cả hàng hóa cung cấp mới 100%, thời gian sản xuất hàng hóa từ năm 2025 trở về sau, chưa qua sử dụng, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.	Đạt

	- Cam kết đối với thiết bị nhập khẩu (đối với các vật tư và thiết bị): nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ của hàng hoá (như chứng nhận CO hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương), chứng nhận chất lượng hàng hóa (như chứng nhận CQ hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương). - Cam kết đối với hàng hóa, thiết bị trong nước, phải có (đối với các thiết bị): Giấy chứng nhận/chứng chỉ xuất xưởng. - Có cam kết cung cấp hàng hóa đúng như dự thầu (xuất xứ, hãng sản xuất, chủng loại, ký mã hiệu, model, thông số kỹ thuật) sau khi trúng thầu và thực hiện hợp đồng, trường hợp sau khi ký hợp đồng hoặc trong quá trình thực hiện hợp đồng nhà thầu thay đổi hàng hóa nhưng không có lý do hợp lý và không được chủ đầu tư chấp thuận thì sẽ bị tính là vi phạm hợp đồng; - Có bản cam kết thu hồi hàng bị lỗi, hàng hóa kém chất lượng không đáp ứng về thông số kỹ thuật hoặc bị hư hỏng trong quá trình nghiệm thu;	
	Không đáp ứng đầy đủ yêu cầu cam kết như trên.	Không đạt
3. Tiến độ thi công		
3.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công tối đa 90 ngày.	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá số ngày yêu cầu.	Đạt
	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá số ngày yêu cầu.	Không đạt
3.2. Tính phù hợp: a) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công. b) Giữa huy động, bố trí vật tư và tiến độ thi công.	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi và có biểu đồ minh họa cho nội dung a), b).	Đạt
	Đề xuất không đủ nội dung a), b), không có biểu đồ minh họa.	Không đạt
3.3. Biểu tiến độ thi công	Có biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Bố trí nhân sự thực hiện đúng, đủ theo khối lượng công việc thực hiện, bố trí công nhân tham gia thi công đúng tiến độ, biểu đồ nhân lực phù hợp thuyết minh.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
4. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:		
4.1. Biện pháp an toàn lao động bao gồm:	Có biện an toàn lao động hợp lý, rõ ràng, phù hợp với đặc thù công trình thi công trong điều kiện công trình đang hoạt động.	Đạt

- Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động; - Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho từng công đoạn thi công; - An toàn giao thông ra vào công trường; - Bảo đảm an ninh công trường, quản lý nhân sự, thiết bị; - Quản lý an toàn cho công trình thi công trong điều kiện công trình đang hoạt động.	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có Biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không rõ ràng.	<i>Không đạt</i>
4.2 Biện pháp phòng cháy, chữa cháy bao gồm: - Quy định, quy phạm, tiêu chuẩn; - Lập các giải pháp phòng chống cháy quy định cho suốt quá trình xây dựng, đảm bảo khả năng thoát nạn an toàn và cứu người, cũng như bảo vệ tài sản khi xảy ra cháy trong công trình đang xây dựng và trên công trường;	Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, rõ ràng.	<i>Đạt</i>
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không rõ ràng.	<i>Không đạt</i>
4.3 Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường bao gồm: a. Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. Có các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, bụi, khói rung, kiểm soát nước thải các loại, kiểm soát rò rỉ dầu mỡ, hoá chất, kiểm soát rác thải, nhà vệ sinh của công nhân trên công trường.	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, rõ ràng đáp ứng yêu cầu đặc thù của công trình.	<i>Đạt</i>
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không rõ ràng.	<i>Không đạt</i>
5. Bảo hành, bảo trì		
5.1. Thời gian bảo hành tối thiểu 12 tháng.	- Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng. - Đối với các thiết bị lắp đặt vào công trình: + Đối với các thiết bị, thời gian bảo hành theo Bảng số 1: Danh mục chủng loại vật tư, thiết bị chính dùng thi công công trình Chương V E-HSMT. + Đối với các thiết bị khác bảo hành theo quy định của nhà sản xuất thì theo quy định của	<i>Đạt</i>

	nhà sản xuất, tuy nhiên thời gian bảo hành không nhỏ hơn 12 tháng. + Nhà thầu (kể cả thành viên liên danh đảm nhận phần lắp đặt thiết bị) phải có cam kết: Cam kết có đội ngũ nhân viên sửa chữa thiết bị, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu sửa chữa bảo hành trong vòng 48 giờ khi có yêu cầu của Chủ đầu tư	
	Nhà thầu không có cam kết hoặc cam kết không đáp ứng yêu cầu.	Không đạt
5.2. Có cam kết khắc phục các sự cố, hư hỏng công trình trong thời gian bảo hành chậm nhất 02 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.	Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu	Đạt
	Nhà thầu không có cam kết hoặc cam kết không đáp ứng yêu cầu	Không đạt
6. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP		
Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP Trường hợp Chủ đầu tư phát hiện từ ngày 01/01/2022 trở lại đây: Nhà thầu vi phạm về đấu thầu theo quy định của pháp luật thì được đánh giá là không đạt ở mục này. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP Trường hợp Chủ đầu tư phát hiện từ ngày 01/01/2022 trở lại đây: Nhà thầu vi phạm về đấu thầu theo quy định của pháp luật thì được đánh giá là không đạt ở mục này.	Nhà thầu có bản cam kết các nội dung sau, từ ngày 01/01/2022 trở lại đây: - Nhà thầu không bị kết luận: a) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời đối chiếu tài liệu; b) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc đã tiến hành nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 45 của Nghị định này; c) Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung hoặc không ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định này; d) Nhà thầu đã ký thỏa thuận khung nhưng không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng. đ) Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; e) Nhà thầu không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không	Đạt

	nộp tiền mặt, séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định của pháp luật về đấu thầu; g) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng; h) Nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc đã trúng thầu nhưng không thực hiện theo cam kết trong đơn dự thầu đối với chào giá trực tuyến rút gọn; i) Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu xây lắp, PC, phân xây lắp trong gói thầu EC theo cam kết trong đơn dự thầu đối với đấu thầu trong nước. e) Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu (không vi phạm từ 02 lần trở lên) gồm: + Tiến độ thực hiện hợp đồng: Không vi phạm tiến độ hợp đồng dẫn đến nhà thầu không hoàn thành, hoặc chấm dứt hợp đồng; + Không vi phạm: Chất lượng dịch vụ (bao gồm các sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng); + Không vi phạm hợp đồng, chấm dứt hợp đồng (trừ trường hợp bất khả kháng). - Nhà thầu không vi phạm pháp luật về đấu thầu theo quy định của pháp luật.	
	Không đáp ứng đầy đủ nội dung cam kết nêu trên.	Không đạt
7. Các yếu tố cần thiết khác		
7.1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật tư, thiết bị chính tại Bảng số 1. Danh mục chủng loại vật tư, thiết bị chính dùng thi công công trình, Chương V của E-HSMT. Danh mục chủng loại vật tư, thiết bị chính yêu cầu phải kê khai thực hiện theo Bảng số 02. Bảng tuyên bố đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật tư, thiết bị chào thầu, Chương V, E-HSMT.	- Nhà thầu cung cấp tài liệu kỹ thuật (như catalogue/datasheet/hướng dẫn sử dụng, xác nhận của hãng sản xuất/nhà phân phối tại Việt Nam hoặc các tài liệu tương tự) đối với các vật tư, vật liệu đánh dấu (*). Các tài liệu nhà thầu cung cấp phải đáp ứng hoặc đáp ứng tốt hơn (trường hợp đáp ứng tốt hơn nhà thầu có bảng so sánh đánh giá) thông số kỹ thuật theo yêu cầu của E-HSMT. Đối với tài liệu có ngôn ngữ khác với tiếng Việt phải kèm theo bản dịch ra tiếng Việt (có xác nhận của đơn vị dịch thuật độc lập) và nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác giữa bản gốc và bản dịch. Trường hợp E-HSDT thiếu bản dịch, Chủ đầu	Đạt

	tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết). (Không yêu cầu thông tin về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn hàng hóa đối với các phụ kiện lắp đặt). - Nêu rõ hãng sản xuất, nguồn gốc/xuất xứ của từng loại vật tư áp dụng cho công trình (nhà thầu không được viết nội dung dạng chung, tổng quát như: "theo yêu cầu thiết kế", "theo tiêu chuẩn hiện hành"...) nêu tại Bảng số 1: Danh mục chủng loại vật tư, thiết bị chính dùng thi công công trình Chương V của E-HSMT. - Nhà thầu có bản cam kết tất cả các loại vật liệu cung cấp trong gói thầu có nguồn gốc hợp pháp. - Nhà thầu đề xuất xuất xứ (nếu có) phù hợp với yêu cầu. - Nhà thầu phải đề xuất cụ thể và duy nhất một ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất. Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất thì E-HSMT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.	
	- Nhà thầu chào nhiều hơn một ký mã hiệu (nếu có), hãng sản xuất, xuất xứ của các vật tư, thiết bị có đánh dấu (*) tại Bảng số 1. Danh mục chủng loại vật tư, thiết bị chính dùng thi công công trình, Chương V của E-HSMT. - Các vật tư, thiết bị có đánh dấu (*) có thông số không đáp ứng các yêu cầu nêu tại Bảng số 1. Danh mục chủng loại vật tư, thiết bị chính dùng thi công công trình Chương V của E-HSMT. - Không cung cấp tài liệu kỹ thuật (như catalogue/datasheet/hướng dẫn sử dụng, xác nhận của hãng sản xuất/nhà phân phối tại Việt Nam hoặc các tài liệu tương tự) đối với các vật tư, vật liệu đánh dấu (*). - Không đáp ứng các tiêu chí Đạt của yêu cầu nêu trên.	Không đạt
7.2. Các yêu cầu về cam kết cho gói thầu	- Nhà thầu có cam kết bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư và các bên thứ ba nếu chậm trễ tiến độ hợp đồng do lỗi của nhà thầu. - Nhà thầu có bản cam kết tại thời điểm ký kết hợp đồng nếu nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính, vật tư thiết bị, tiến độ thi công khi thi công và các nội dung liên quan	Đạt

	khác theo yêu cầu của E-HSMT để thực hiện gói thầu. - Nhà thầu có bản cam kết mua bảo hiểm bắt buộc cho toàn bộ người lao động trên công trường.	
	Không có cam kết hoặc cam kết không đầy đủ hoặc không đảm bảo các nội dung yêu cầu nêu trên.	<i>Không đạt</i>
Kết luận	Đạt tất cả các nội dung trên	Đạt
	Không đạt bất kỳ nội dung nào nêu trên	Không đạt